

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 – 61

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ

Trụ sở chính: Đường số 9, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- Sản xuất diêm quẹt;
- Sản xuất sản phẩm may mặc xuất khẩu;
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa; Dịch vụ du lịch; Đại lý bưu điện.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT		
Ông Trần Hữu Chuyên	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Lưu Thụy	Thành viên		19/03/2016
Ông Trần Anh Vương	Thành viên	19/03/2016	
Ông Ngô Đức Vũ	Thành viên		
Ông Phạm Huy Cường	Thành viên		

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Mai Hữu Đạt	Trưởng ban
Ông Phùng Quang Việt	Thành viên
Ông Trịnh Kiên	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Đức Vũ	Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Trần Hữu Chuyển	Phó Tổng Giám đốc		
Ông Nguyễn Kim Nguyên	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016
Bà Nguyễn Thị Huyền	Phó Tổng Giám đốc		18/03/2016

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Đình Độ đã ủy quyền cho Ông Ngô Đức Vũ ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo Giấy bổ nhiệm số 04/NQ-NDN ngày 06 tháng 04 năm 2015.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính riêng.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng.
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Số: 028/2017/BCKT-PB.00020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông, Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 61, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 25/02/2016.



ÔNG THẾ ĐỨC

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0855-2016-009-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
– CHI NHÁNH PHÍA BẮC**

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

LÊ VIẾT CƯỜNG

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2478-2016-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		620.768.656.057	443.912.283.371
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	108.635.957.390	103.274.039.329
Tiền	111		98.020.864.156	84.240.705.995
Các khoản tương đương tiền	112		10.615.093.234	19.033.333.334
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	16.455.000.000	20.468.270.709
Chứng khoán kinh doanh	121		1.000.000.000	6.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.455.000.000	14.468.270.709
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		290.569.472.605	218.648.884.477
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	217.597.251.381	183.734.074.886
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	52.511.287.191	42.418.653.348
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5.1	41.252.193.273	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	9.196.997.098	14.066.381.637
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(29.988.256.338)	(21.570.225.394)
Hàng tồn kho	140	5.8	198.830.083.726	98.499.166.644
Hàng tồn kho	141		201.176.883.639	100.845.966.557
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.346.799.913)	(2.346.799.913)
Tài sản ngắn hạn khác	150		6.278.142.336	3.021.922.212
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	756.303.030	358.740.561
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.812.832.987	1.996.565.943
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	3.709.006.319	666.615.708
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		656.912.833.917	192.055.139.997
Các khoản phải thu dài hạn	210		15.362.000.079	3.554.542.402
Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5.2	9.500.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	5.862.000.079	3.554.542.402
Tài sản cố định	220		89.560.409.869	73.353.782.427
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	56.411.450.491	49.769.304.918
Nguyên giá	222		150.565.577.396	141.652.766.034
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.154.126.905)	(91.883.461.116)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.11	33.148.959.378	20.880.956.842
Nguyên giá	225		41.306.654.947	24.784.924.148
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.157.695.569)	(3.903.967.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.12	-	2.703.520.667
Nguyên giá	228		-	2.818.564.091
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(115.043.424)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.185.077.800	913.034.521
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	4.185.077.800	913.034.521
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	540.473.649.345	110.226.787.354
Đầu tư vào công ty con	251		410.769.959.345	106.932.187.354
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		104.203.690.000	3.294.600.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		25.500.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		7.331.696.824	4.006.993.293
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	7.331.696.824	4.006.993.293
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.277.681.489.974	635.967.423.368

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		925.336.132.195	441.625.644.003
Nợ ngắn hạn	310		678.172.966.315	434.685.180.176
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	47.544.176.891	43.791.918.045
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	88.710.134.912	7.108.822.780
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	863.303.649	1.352.072.824
Phải trả người lao động	314		8.424.747.352	5.309.790.331
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	3.015.877.516	988.454.315
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18.1	5.216.270.049	2.733.078.939
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19.1	522.339.767.965	371.342.354.961
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.058.687.981	2.058.687.981
Nợ dài hạn	330		247.163.165.880	6.940.463.827
Phải trả dài hạn khác	337	5.18.2	107.273.090.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.19.2	139.890.075.880	6.940.463.827
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		352.345.357.779	194.341.779.365
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	352.345.357.779	194.341.779.365
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		300.056.240.000	135.071.410.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		300.056.240.000	135.071.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.155.000.000	16.905.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(342.000)	(342.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		725.180.292	25.035.140.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.409.279.487	17.330.571.073
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	370.516.180
LNST chưa phân phối năm nay	421b		22.409.279.487	16.960.054.893
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.277.681.489.974	635.967.423.368

PHẠM THỊ THU HẰNG
Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	889.392.507.333	863.973.627.014
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	365.049.498	1.136.633.597
Doanh thu thuần	10		889.027.457.835	862.836.993.417
Giá vốn hàng bán	11	6.3	777.381.286.504	758.100.431.191
Lợi nhuận gộp	20		111.646.171.331	104.736.562.226
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	29.784.768.804	3.940.231.170
Chi phí tài chính	22	6.5	40.578.853.219	28.279.260.207
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		37.211.511.921	19.244.768.591
Chi phí bán hàng	24	6.6	24.190.081.221	18.664.959.971
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	45.616.653.637	41.641.739.190
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		31.045.352.058	20.090.834.028
Thu nhập khác	31	6.8	8.984.615.683	3.519.254.001
Chi phí khác	32	6.9	1.576.937.624	1.520.072.318
Lợi nhuận khác	40		7.407.678.059	1.999.181.683
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		38.453.030.117	22.090.015.711
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.10	3.661.231.703	5.129.960.818
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		34.791.798.414	16.960.054.893

PHẠM THỊ THU HẰNG
Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Mã số	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	38.453.030.117	22.090.015.711
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	16.818.971.250	13.777.807.913
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	8.418.030.944	13.673.023.619
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	761.717.688	6.713.114.020
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(35.087.327.794)	(1.672.471.832)
Chi phí lãi vay	06	37.211.511.921	19.244.768.591
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	66.575.934.126	73.826.258.022
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(39.592.329.271)	(20.104.880.332)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(100.330.917.082)	(11.317.302.841)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	90.744.296.697	6.242.748.791
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(3.722.266.000)	-
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	5.000.000.000	(3.063.720.827)
Tiền lãi vay đã trả	14	(35.184.088.720)	(18.256.314.276)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.598.960.723)	(9.116.762.457)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(692.268.186)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(25.108.330.973)	17.517.757.894
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(22.423.060.555)	(16.009.923.744)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	11.416.054.000	523.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(104.262.384.606)	(87.198.270.709)
PHẠM THỊ THU HÀNG	24	27.023.462.042	77.100.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(404.746.861.991)	(88.468.187.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	107.273.090.000	1.936.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.600.298.542	1.503.332.118
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(360.119.402.568)	(110.613.776.608)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	123.211.780.000	73.255.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.081.254.675.096	789.103.667.596
Tiền trả nợ gốc vay	34	(805.332.645.490)	(663.502.364.865)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(8.742.672.564)	(9.594.633.749)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	390.391.137.042	189.261.668.982
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	5.163.403.501	96.165.650.268
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	103.274.039.329	7.084.793.638
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	198.514.560	23.595.423
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	108.685.957.390	103.274.039.329

Phạm Thị Thu Hàng

PHẠM THỊ THU HÀNG
Người lập biểu

Hoàng Anh Tuấn

HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc
Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần - số 3600662561 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2004, đã đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực Sản xuất – Thương mại – Dịch vụ.

Trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty là: 300.056.240.000 đồng (Ba trăm tỷ không trăm năm mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng)

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Công ty sản xuất ống nhựa xây dựng, bao bì mềm xuất khẩu.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600662561 được sửa đổi lần thứ 14 ngày 29 tháng 12 năm 2016, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất ống nhựa, phụ kiện và các sản phẩm nhựa;
- In ấn (trừ in tráng bao bì kim loại và in trên sản phẩm vải, sợi dệt, may đan);
- Dịch vụ liên quan đến in
- Buôn bán máy móc thiết bị ngành in;
- Sản xuất diêm quẹt
- Sản xuất sản phẩm may mặc, xuất khẩu
- Sản xuất vật liệu xây dựng công nghệ mới;
- Xây dựng nhà lắp ghép, xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình thủy lợi;
- Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất của doanh nghiệp;
- Xây dựng công trình công nghiệp;
- Xây dựng công trình giao thông;
- Xây dựng công trình nước, cấp thoát nước;
- San lấp mặt bằng;
- Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa;
- Dịch vụ du lịch;
- Đại lý bưu điện./.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã mua chi phối Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú với tỷ lệ sở hữu vốn là 66,87%, đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 ngày 19/3/2016. Sau đó, Công ty đã tiếp tục mua lại cổ phiếu của các cổ đông khác, nâng tỷ lệ sở hữu lên 71,89%, số lượng cổ phiếu nắm giữ là 4.744.169 cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2016/NQ-DNP ngày 22/03/2016, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thực hiện góp vốn đầu tư thành lập Công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang với vốn điều lệ 21 tỷ đồng trong đó DNP sở hữu 70% vốn. Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang có trụ sở chính tại Tiền Giang được thành lập để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với tổng công suất 30.000 m³/ngày đêm để cung cấp nước sạch dân sinh thuộc địa bàn các huyện Cai Lậy, Cai Bè và thị xã Cai Lậy. Đến ngày 31/12/2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã góp vốn 100.000.000 đồng.

Công ty cũng thực hiện việc mua chi phối Công ty Cổ phần B.O.O Nước Đồng Tâm với tỷ lệ sở hữu là 52,68% tương ứng 2.050.323 cổ phiếu và đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm. Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nước sạch tại tỉnh Tiền Giang.

1.6 Cấu trúc của Công ty

Các chi nhánh:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Hạch toán kế toán</i>
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Hà Nội	Tầng 10 – Toàn nhà HTP – 434 Trần Khát Chân – Hai Bà Trưng – Hà Nội	Hạch toán phụ thuộc
Chi nhánh Công ty CP Nhựa Đồng Nai tại Tp. Hồ Chí Minh (*)	Số 198 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22 – Quận Bình Thạnh – Tp. Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc

(*) Theo nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐQT ngày 27/06/2016 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai, Công ty đã làm thủ tục giải thể Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh do không hoạt động trong thời gian qua.

Các Công ty con

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>Tỷ lệ vốn góp cam kết</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích tại 31/12/16</i>
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Lô 06 – KCN Điện Nam – Điện Ngọc – Huyện Điện Bàn – Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất và kinh doanh ống nước	99,33%	99,33%	99,33%
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	A6 – A7 KDC Kênh Bàu – Thành phố Phan Thiết – Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	53,7%	53,7%	53,7%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An	Ấp 7 - Xã Nhị Thành – Huyện Thủ Thừa – Tỉnh Long An	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	65%	65%	100%
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	314 Lũy Bán Bích, Q. Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất & kinh doanh nhựa công nghiệp	71,89%	71,89%	71,89%
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Số 1 – Đường Ngô Quyền – Tp Mỹ Tho – Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	70%	70%	100%
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	52,68%	52,68%	52,68%

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư sửa đổi có liên quan.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá hạch toán được quy định vào đầu mỗi tháng căn cứ trên tỷ giá bán ra của Ngân hàng ANZ do các nghiệp vụ giao dịch bằng ngoại tệ tại Ngân hàng này chiếm đa số trong các giao dịch của Công ty.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng ANZ ngày 31/12/2016 là 22.740 VND/USD.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí khác

Chi phí khác là các khoản chi phí mua bảo hiểm xe ô tô, bảo hiểm tai nạn cho người lao động, chi phí phát hành trái phiếu. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tương ứng đối với từng khoản chi phí.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 12
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

4.10 Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.11 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao trong 50 năm.

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

4.14 Trái phiếu thường

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.16 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Công ty có thông báo trả cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.17 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chính sách thuế theo những điều kiện quy định cho công ty năm hiện hành như sau:

- Công ty có thời gian miễn thuế 05 năm kể từ năm 2004 (năm bắt đầu có thu nhập chịu thuế), và kể từ năm 2004 thuế suất ưu đãi 15% trong 12 năm. Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp 5 năm kể từ năm 2009.
- Đối với phần thu nhập từ đầu tư mở rộng năm 2006, Công ty được ưu đãi theo thuế suất 15%, miễn thuế 01 năm từ năm 2006 và giảm thuế 5 năm tiếp theo kể từ năm 2007.
- Đối với thu nhập từ đầu tư mở rộng năm 2007 đến năm 2009, Công ty chịu thuế suất hiện hành và được miễn thuế 03 năm, giảm 50% trong 05 năm tiếp theo.
- Đối với thu nhập từ đầu tư mở rộng trong giai đoạn từ 2010 đến 2013, Công ty chịu thuế suất hiện hành và miễn thuế 02 năm, giảm 50% trong 4 năm tiếp tính cho thời gian còn lại từ năm 2015 theo hướng dẫn tại điều 13 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015.
- Thu nhập từ đầu tư tài sản kể từ 2014, hoạt động kinh doanh khác, hoạt động thương mại và hoạt động xây dựng không được hưởng ưu đãi thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung	Công ty con
Công ty Cổ phần Bình Hiệp	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP – Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sacom	Thành viên HĐQT đại diện PL
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	465.489.895	4.472.695.709
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	97.382.865.437	79.768.010.286
Tiền đang chuyển	172.508.824	
Các khoản tương đương tiền	10.615.093.234	19.033.333.334
Cộng	108.635.957.390	103.274.039.329

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2016:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	135.204,86	3.074.558.516
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - EUR	364,14	8.847.510
		3.083.406.026

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

5.2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		Dự phòng VND	Dự phòng VND
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		
Cổ phiếu	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Công ty CP Viwaseen 12	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
Trái phiếu				5.000.000.000		
Trái phiếu Công ty CP Chứng khoán SHB				5.000.000.000		
	1.000.000.000	1.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh

Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHBS) thực hiện mua lại 50 trái phiếu phát hành theo hợp đồng mua bán trái phiếu số 15/2015/HDTP/SHBS ngày 29/12/2015 căn cứ đề nghị của Công ty CP Nhựa Đồng Nai. Khoản lãi phát sinh tương ứng đã ghi nhận doanh thu tài chính là 13.698.630 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn <1>	15.455.000.000	15.455.000.000	14.468.270.709	14.468.270.709
Dài hạn				
Trái phiếu <2>	25.500.000.000	25.500.000.000	14.468.270.709	14.468.270.709
	40.955.000.000	40.955.000.000	14.468.270.709	14.468.270.709

<1> Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng với kỳ hạn 12 tháng lãi suất dao động từ 2,34% đến 6,5%.

<2> Trái phiếu ngắn hạn là khoản trái phiếu có kỳ hạn 1 năm của Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm mua lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng kỹ thuật Tp. Hồ Chí Minh (CII). Số lượng trái phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2016 là 25,5 trái phiếu với mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Khoản trái phiếu này đã được Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai cơ cấu lại tiến độ thanh toán đến năm 2025 sau khi nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng thành phố Hồ Chí Minh. Lãi trái phiếu được trả hàng tháng tính theo lãi suất bằng lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng bình quân của 02 ngân hàng gồm BIDV, Vietinbank cộng thêm 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con	410.769.959.345	-	410.769.959.345	106.932.187.354
Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	172.727.161.291		172.727.161.291	
Công ty CP Nhựa Tân Phú	127.091.310.700		127.091.310.700	
Công ty CP Bình Hiệp	59.365.467.000		59.365.467.000	59.365.467.000
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	37.466.720.354		37.466.720.354	37.466.720.354
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	14.019.300.000		14.019.300.000	10.100.000.000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Tiền Giang	100.000.000		100.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Tổng Công ty Đầu tư Nước và môi trường	3.294.600.000		3.294.600.000	3.294.600.000
Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế	100.909.090.000		100.909.090.000	
	514.973.649.345	-	514.973.649.345	110.226.787.354

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Lý do tăng giảm đầu tư vốn góp vào đơn vị khác

<1> Trong năm 2016, Công ty tiếp tục góp bổ sung vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An.

<2> Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 04/2016/NQ-DNP ngày 22/03/2016, Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai thực hiện góp vốn đầu tư thành lập Công ty con – Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang với vốn điều lệ 21 tỷ đồng trong đó DNP sở hữu 70% vốn. Công ty CP Đầu tư hạ tầng nước DNP – Tiền Giang có trụ sở chính tại Tiền Giang được thành lập để thực hiện đầu tư xây dựng Nhà máy nước mặt tại huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang với tổng công suất 30.000 m3/ngày đêm để cung cấp nước sạch dân sinh thuộc địa bàn các huyện Cai Lậy, Cái Bè và thị xã Cai Lậy.

<3> Trong năm 2016, Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận mua chi phối Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú không thông qua chào mua công khai tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016. Công ty đã thực hiện mua thỏa thuận 4.012.040 cổ phiếu tương ứng tỷ lệ 66,78% với mức giá 30.000 đồng/cổ phiếu. Giá gốc mua đã được giảm trừ khoản cổ tức 2015 Công ty CP Tân Phú trả trong tháng 7/2016 với giá trị là 3.209.632.000 đồng. Sau đó, Công ty tiếp tục mua bổ sung cổ phiếu TPP nâng tỷ lệ sở hữu lên 71,89%. Ngoài ra, trong năm 2016, Công ty CP Nhựa Tân Phú thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 10%.

<4> Công ty thực hiện mua lại 2.050.323 cổ phiếu mệnh giá 100.000 đồng/cp Công ty CP B.O.O Nước Đồng Tâm chiếm tỷ lệ 52,68%. Công ty CP B.O.O Nước Đồng Tâm hoạt động trong ngành nghề kinh doanh nước sạch tại tỉnh Tiền Giang. Hiện nay, Công ty CP B.O.O Nước Đồng Tâm đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm.

<5> Trong năm 2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai đã được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế chấp thuận là nhà đầu tư chiến lược vào Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế với số lượng cổ phiếu là 10.090.909 cổ phiếu chiếm tỷ lệ 11,52%. Số cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong 06 năm kể từ ngày sở hữu.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Trình bày tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong năm.

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An và Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Tiền Giang mới được thành lập, hiện đang trong giai đoạn khảo sát xây dựng nhà máy sản xuất nước sạch, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm trước đây hoạt động kinh doanh thua lỗ liên tục trong nhiều năm qua. Trong năm 2016, Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm tiếp tục lỗ 33,1 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm tại thời điểm 31/12/2016 là âm 14.493.505.938 đồng. Sau khi thực hiện mua lại phần vốn góp tại Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm, Công ty đã thực hiện các biện pháp tái cơ cấu các khoản nợ, làm việc với Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang để nâng cao sản lượng tiêu thụ. Khoản lỗ hiện tại của Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm nằm trong kế hoạch sản xuất kinh doanh đã chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Vì vậy, tại thời điểm 31/12/2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đối với khoản đầu tư này.

Các công ty con khác hoạt động kinh doanh bình thường. Do giá nguyên liệu đầu vào giảm, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung và Công ty CP Nhựa Tân Phú tăng mạnh so với năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai Miền Trung		
<i>Bán nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa</i>	100.276.350.844	89.052.526.211
<i>Mua thành phẩm, hàng hóa</i>	101.119.122.624	65.041.068.300
<i>Nhận cổ tức bằng tiền mặt</i>	20.113.875.000	
Công ty Cổ phần Bình Hiệp		
<i>Bán thành phẩm ống và vật tư</i>		128.385.380
<i>Cho vay</i>	17.000.000.000	
<i>Thu lại tiền vay</i>	7.435.121.333	
<i>Lãi cho vay</i>	387.471.853	
<i>Nhận cổ tức bằng tiền mặt</i>	2.427.065.600	1.936.000.000
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú		
<i>Bán vật tư cho Nhựa Tân Phú</i>	2.015.061.320	
<i>Vay vốn</i>	13.000.000.000	
<i>Thanh toán gốc vay</i>	5.000.000.000	
<i>Lãi cho vay</i>	376.555.556	
Công ty Cổ phần Nhà máy nước Đồng Tâm		
<i>Lãi trái phiếu</i>	934.937.500	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An		
<i>Vay vốn</i>	9.950.000.000	

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác hiện đang được sử dụng để thế chấp, bảo lãnh cho các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Đồng Nai		
<i>Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung</i>	4.469.750	4.469.750
<i>Công ty CP Bình Hiệp</i>	3.033.832	3.033.832
<i>Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP</i>	323.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.3 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khách hàng

5.3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	-	5.673.696.282
Công ty CP Nhựa Tân Phú	1.819.984.452	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Công ty CP Xây dựng số 5	21.401.610.384	21.401.610.384
Công ty TNHH MTV Cấp nước Tiền Giang	8.152.748.999	11.156.080.299
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	10.237.810.020	
Công ty CP Sông Đà 12	10.452.613.946	2.144.455.632
Công ty CP Xây dựng Trường Xuân	13.919.630.417	
Các khách hàng khác	151.612.853.163	143.358.232.289
	217.597.251.381	183.734.074.886

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn, dài hạn

5.4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	16.726.957.210	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
TAIZHOU HUANGYAN HUIDA PLASTIC MACHINERY CO.,LTD	11.712.637.275	
New Quantum Holdings PTE LTD	-	4.306.733.692
Các nhà cung cấp khác	24.071.692.706	38.111.919.656
	52.511.287.191	42.418.653.348

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn

5.5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Bình Hiệp	9.564.878.667	
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay, mượn	31.687.314.606	
	41.252.193.273	-

Khoản cho Công ty CP Bình Hiệp vay có thời hạn 1 năm từ ngày 23/05/2016 với lãi suất 5%/năm

Các khoản cho các tổ chức khác vay có thời hạn 1 năm với lãi suất 6%/năm, không có tài sản bảo đảm.

5.5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm	9.500.000.000	
	9.500.000.000	-

Là khoản lãi trái phiếu chưa thanh toán đến 30/06/2016 được chuyển đổi thành khoản vay dài hạn đến năm 2025 với lãi suất được xác định bằng bình quân lãi huy động 12 tháng của BIDV và Vietinbank + 3,5%/năm.

5.6 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
Công ty CP Nhà máy nước Đồng Tâm - Lãi cho vay	325.500.000			
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế GTGT TSCĐ thuế tài chính			961.159.504	
Tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay	649.750.061		257.125.426	
Tạm ứng	5.017.634.230		12.344.898.857	
Ký cược, ký quỹ	3.184.619.807		68.000.000	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	19.493.000		435.197.850	
	9.196.997.098	-	14.066.381.637	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.6.2 Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Thuế GTGT TSCĐ thuế tài chính	1.875.463.475			
Ký cược, ký quỹ	3.986.536.604		3.554.542.402	
	<u>5.862.000.079</u>	-	<u>3.554.542.402</u>	-

5.7 Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH MTV				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	3.238.237.572	-	3.238.237.572	-
Công ty CP Xây dựng số 5				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	21.401.610.384	10.700.805.192	21.401.610.384	12.620.612.614
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông công chánh				
<i>Phải thu tiền bán hàng</i>	7.120.844.766	3.560.422.383		
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	18.440.755.069	5.951.963.878	13.513.129.167	3.962.139.115
	<u>50.201.447.791</u>	<u>20.213.191.453</u>	<u>38.152.977.123</u>	<u>16.582.751.729</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu, cho vay ngắn hạn		Nợ phải thu, cho vay dài hạn		Cộng VND
	VND		VND		
Tại ngày 01/01/2016	(21.570.225.394)				(21.570.225.394)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.418.030.944)				(8.418.030.944)
Hoàn nhập dự phòng					
Tại ngày 31/12/2016	<u>(29.988.256.338)</u>		-		<u>(29.988.256.338)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.8 Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	161.314.001.422	-	58.785.836.616	-
Công cụ, dụng cụ	17.580.001	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.234.870.804	(2.346.799.913)	5.001.638.213	(2.346.799.913)
Thành phẩm	22.302.726.064	-	23.281.378.876	-
Hàng hóa	7.656.466.905	-	9.349.791.166	-
Hàng gửi đi bán	3.651.238.443	-	4.427.321.686	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-	-	-
	<u>201.176.883.639</u>	<u>(2.346.799.913)</u>	<u>100.845.966.557</u>	<u>(2.346.799.913)</u>

Giá trị dự phòng trích lập tại 31/12/2016 là giá trị chi phí dở dang công trình thi công thấp hơn doanh thu còn có thể ghi nhận.

5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ	498.979.400	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	257.323.630	358.740.561
	<u>756.303.030</u>	<u>358.740.561</u>

5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ dụng cụ	4.186.740.991	1.471.774.622
Chi phí phát hành trái phiếu	805.555.556	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	2.339.400.277	2.535.218.671
	<u>7.331.696.824</u>	<u>4.006.993.293</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016	19.955.870.485	107.438.385.039	11.387.689.528	2.870.820.982	141.652.766.034
Mua trong năm	329.766.727	18.542.110.549		279.140.000	19.151.017.276
Tăng khác		(10.238.205.914)		34.204.000	34.204.000
Giảm do thanh lý		(34.204.000)			(10.238.205.914)
Giảm khác		(115.708.085.674)			(34.204.000)
Tại ngày 31/12/2016	20.285.637.212	115.708.085.674	11.387.689.528	3.184.164.982	150.565.577.396
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016	13.601.457.119	73.895.960.249	2.524.669.747	1.861.374.001	91.883.461.116
Khấu hao trong năm	1.687.997.969	9.055.700.809	1.472.612.120	292.560.805	12.508.871.703
Giảm do thanh lý		(10.238.205.914)			(10.238.205.914)
Tại ngày 31/12/2016	15.289.455.088	72.713.455.144	3.997.281.867	2.153.934.806	94.154.126.905
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	6.354.413.366	33.542.424.790	8.863.019.781	1.009.446.981	49.769.304.918
Tại ngày 31/12/2016	4.996.182.124	42.994.630.530	7.390.407.661	1.030.230.176	56.411.450.491

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 46.575.467.789 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định thuế tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2016		24.784.924.148			24.784.924.148
Thuê tài chính trong năm		16.521.730.799			16.521.730.799
Tại ngày 31/12/2016		41.306.654.947			41.306.654.947
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2016		3.903.967.306			3.903.967.306
Khấu hao trong năm		4.253.728.263			4.253.728.263
Tại ngày 31/12/2016		8.157.695.569			8.157.695.569
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016		20.880.956.842			20.880.956.842
Tại ngày 31/12/2016		33.148.959.378			33.148.959.378

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.12 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2016	2.818.564.091		2.818.564.091
Thanh lý, nhượng bán	(2.818.564.091)		(2.818.564.091)
Tại ngày 31/12/2016	-		-
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2016	115.043.424		115.043.424
Khấu hao trong năm	56.371.284		56.371.284
Thanh lý, nhượng bán	(171.414.708)		(171.414.708)
Tại ngày 31/12/2016	-		-
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	2.703.520.667		2.703.520.667
Tại ngày 31/12/2016	-		-

5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm tài sản cố định	4.185.077.800	4.428.694.527	1.156.651.248	913.034.521
- Máy móc đang lắp đặt	4.185.077.800	4.185.077.800	913.034.521	913.034.521
Xây dựng cơ bản dở dang		243.616.727	243.616.727	
Sửa chữa lớn tài sản cố định				
	4.185.077.800	4.428.694.527	1.156.651.248	913.034.521

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.14 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	-	23.814.025.517
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Nhựa & Hóa chất Phú Mỹ		3.753.750.000
Itochu Corporation	3.126.252.250	
Sabic Asia Pacific Pte Ltd	13.074.909.740	22.540
Taizhou Huangyan Yongmao Mould Co.,Ltd	10.167.963.600	-
Các nhà cung cấp khác	21.175.051.301	16.224.119.988
	<u>47.544.176.891</u>	<u>43.791.918.045</u>

5.15 Người mua trả tiền trước ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>		
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	83.483.070.387	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty CP Sản xuất và Thương mại N.I.D	744.710.404	458.011.110
Công Ty TNHH TM&DV Tân Vạn Phú	-	1.500.000.000
Ban Quản Lý Khai Thác Cung Cấp Nước Sinh Hoạt Huyện Châu Thành - Bến Tre	494.649.992	994.550.302
Các khách hàng khác	3.987.704.129	4.156.261.368
	<u>88.710.134.912</u>	<u>7.108.822.780</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.16 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	58.181.900	58.181.900	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	666.615.708	31.613.916.466	30.947.300.758	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	62.667.966	-	72.086.435	79.033.116	55.721.285	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.228.722.701	-	3.661.231.703	8.598.960.723	-	3.709.006.319
Thuế thu nhập cá nhân	60.682.157	-	1.212.536.774	465.636.567	807.582.364	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	1.352.072.824	666.615.708	36.620.953.278	40.152.113.064	863.303.649	3.709.006.319

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn**5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	3.015.877.516	988.454.315
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác		
	<u>3.015.877.516</u>	<u>988.454.315</u>

5.18 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.18.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	
Kinh phí công đoàn	114.508.322	341.889.710
Bảo hiểm xã hội	330.349.997	318.854.379
Bảo hiểm y tế	58.705.389	45.689.503
Bảo hiểm thất nghiệp	25.411.538	19.933.528
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.793.000	2.793.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.684.501.803	2.003.918.819
	<u>5.216.270.049</u>	<u>2.733.078.939</u>

5.18.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sacom <1>	70.000.000.000	
Các cá nhân khác <2>	37.273.090.000	
	<u>107.273.090.000</u>	<u>-</u>

<1> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Công ty CP Cấp nước Thừa Thiên Huế theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 08/2016/HĐ-DNP ngày 25/11/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

<2> Khoản vốn nhận hợp tác đầu tư theo các hợp đồng hợp tác đầu tư với các cá nhân ngày 28/10/2016. Thời gian hợp tác đầu tư không quá 06 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

5.19.1 Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn các bên liên quan						
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú <1>	8.000.000.000	8.000.000.000	13.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác						
1> Vay ngắn hạn						
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN - CN Trường Sơn <2>	506.756.479.587	506.756.479.587	950.959.134.196	809.786.185.850	365.583.531.241	365.583.531.241
Ngân hàng SINGPAC - CN HCM <3>	46.626.552.887	46.626.552.887	114.434.795.617	67.808.242.730		
Ngân hàng ANZ - CN HCM	23.883.585.815	23.883.585.815	51.800.722.959	72.300.818.842	44.383.681.698	44.383.681.698
Ngân hàng Công Thương KCN Biên Hòa <4>	-	-	3.781.537.650	58.837.204.536	55.055.666.886	55.055.666.886
Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP.HCM - CN Sở giao dịch Đồng Nai <5>	137.576.489.822	137.576.489.822	285.497.441.327	232.671.123.838	84.750.172.333	84.750.172.333
Ngân hàng Standard Chartered - CN HCM <6>	49.969.841.008	49.969.841.008	77.395.673.008	27.425.832.000	-	-
Ngân hàng Vietcombank - CN Đồng Nai <7>	25.974.456.750	25.974.456.750	85.842.454.500	97.318.756.121	37.450.758.371	37.450.758.371
Ngân hàng Quốc Tế - CN VIB Đồng Nai	16.438.950.443	16.438.950.443	61.866.059.561	79.423.263.146	33.996.154.028	33.996.154.028
Ngân Hàng Phương Đông - CN Đồng Nai	-	-	14.091.797.933	14.091.797.933	14.091.797.933	14.091.797.933
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Đồng Nai <8>	66.394.572.243	66.394.572.243	79.484.292.285	77.459.875.258	11.691.373.686	11.691.373.686
Ngân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai	-	-	-	19.793.771.090	64.370.155.216	64.370.155.216
Ngân hàng Vietcombank - CN Khách hàng đặc biệt <9>	62.802.812.967	62.802.812.967	62.802.812.967	-	19.793.771.090	19.793.771.090
Ngân hàng Techcombank - CN Đồng Nai <10>	77.089.217.652	77.089.217.652	77.095.784.322	6.566.670	-	-
Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	29.987.715.486	29.987.715.486	-	-
Vay đối tương khác	-	-	20.969.844.514	20.969.844.514	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn (tiếp)

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
2> Vay dài hạn đến hạn trả	1.113.596.862	1.113.596.862	595.290.864	518.305.998	1.036.611.996	1.036.611.996
Ngân Hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai	101.919.996	101.919.996	50.959.998	50.959.998	101.919.996	101.919.996
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2	934.692.000	934.692.000	467.346.000	467.346.000	934.692.000	934.692.000
Ngân hàng Maybank - CN TPHCM	76.984.866	76.984.866	76.984.866	-	-	-
3> Nợ thuế tài chính đến hạn trả	6.469.691.516	6.469.691.516	10.490.152.356	8.742.672.564	4.722.211.724	4.722.211.724
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TPHCM	293.933.584	293.933.584	293.933.584	556.842.264	556.842.264	556.842.264
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease	1.075.958.082	1.075.958.082	1.359.599.903	2.291.617.721	2.007.975.900	2.007.975.900
Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam	5.099.799.850	5.099.799.850	8.836.618.869	5.894.212.579	2.157.393.560	2.157.393.560
	522.339.767.965	522.339.767.965	975.044.577.416	824.047.164.412	371.342.354.961	371.342.354.961

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết các hợp đồng vay

<1> Khoản vay ngắn hạn Công ty CP Nhựa Tân Phú

Hợp đồng vay vốn số 001/VV/NDN-NTP ngày 23 tháng 6 năm 2016. Số dư khoản vay tại 31/12/2016 là 8.000.000.000 đồng. Mục đích vay dùng để bổ sung vốn lưu động. Thời hạn cho vay là 01 năm kể từ ngày nhận. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng là 6%/năm.

<2> Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn

Hợp đồng tín dụng số 63/2016/4589822/HĐTD ngày 18 tháng 03 năm 2016. Hạn mức tín dụng với số dư nợ tối đa là 80.000.000.000 đồng gồm cả Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng, thời hạn cho vay/thời hạn bảo lãnh/thời hạn L/C được xác định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể/Cam kết bảo lãnh/(L/C) được phát hành. Biện pháp đảm bảo bao gồm (i) Tín chấp, (ii) Hàng tồn kho, khoản phải thu, (iii) Tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng hoặc tiền gửi của các thành viên của Công ty hoặc bên thứ ba, (iv) Bất động sản thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của công ty hoặc của bên thứ ba, (v) Đảm bảo bằng 100% số dư trên tài khoản tiền gửi của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Trường Sơn và các tổ chức tín dụng khác và (vi) Toàn bộ doanh thu từ các nguồn hợp pháp khác của Công ty chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Trường Sơn. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

<3> Khoản vay ngân hàng Sinopac – CN Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 151042 ngày 30 tháng 09 năm 2015. Hạn mức tín dụng theo hợp đồng ngắn hạn tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng trị giá đến tổng số tiền vay gốc là 2.000.000 USD hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn. Mục đích của khoản vay là bổ sung vốn lưu động, thanh toán các khoản nhập mua nguyên vật liệu. Khoản vay ngắn hạn có thời hạn 12 tháng từ ngày 08 tháng 09 năm 2015. Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được ấn định: (i) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng USD không thấp hơn LIBOR hoặc chi phí vốn của Ngân hàng cộng với 1%/năm, (ii) Lãi suất áp dụng cho mỗi khoản tiền ứng được giải ngân bằng tiền VNĐ không thấp hơn chi phí vốn của Ngân hàng áp dụng cho VNĐ cộng 1%/năm. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng: Công ty bằng hợp đồng này cam kết cung cấp cho Ngân hàng biện pháp bảo đảm cho các khoản tiền ứng được thực hiện theo hợp đồng này dưới hình thức, nhưng không giới hạn các tài liệu khác như có thể được Ngân hàng yêu cầu tại bất kỳ thời điểm nào liên quan đến việc ký kết, đăng ký và hoàn tất các tài liệu trên và tiến hành các bước tiếp theo mà Ngân hàng cho là cần thiết để duy trì biện pháp bảo đảm được cung cấp bởi các tài liệu đó.

<4> Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – KCN Biên Hoà

Hợp đồng số 01/2015/HMTD-HM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 23/06/2015 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – khu công nghiệp Biên Hoà với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 130.000.000.000 đồng. Thời hạn vay vốn tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của công ty là bổ sung vốn lưu động. Lãi suất cho vay được quy định theo từng giấy nhận nợ mà Ngân hàng gửi cho Công ty. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là dây chuyền máy đùn ống HDPE.

Hợp đồng tín dụng số 2016-HĐTDHM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 29 tháng 7 năm 2016. Hạn mức cho vay tùy thuộc vào các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, Ngân hàng cam kết cho Công ty vay các khoản tiền bằng Đồng Việt Nam và/hoặc Đô la Mỹ trong thời hạn duy trì hạn mức với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành có cam kết thanh toán bằng vốn vay theo Hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 200.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ phát sinh và được điều chỉnh bởi Hợp đồng tín dụng số 01/2015/HMTD-HM/NHCT682-NHUA-ĐN ngày 23/06/2015 và các hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung ký kết giữa Ngân hàng và Công ty theo kiệt kê chi tiết tại phụ lục số 1 của Hợp đồng này. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay của Công ty là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhựa và các sản phẩm từ nhựa. Lãi suất cho vay của khoản nợ là lãi suất ngày được ghi theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay được xác định và điều chỉnh theo các quy

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

định được thể hiện trong Hợp đồng này. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản với hình thức bảo đảm, giá trị tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp (i) Hợp đồng thế chấp số 01/NĐN/2013/HĐTCC (ii) Hợp đồng thế chấp số 02/NĐN/2013/HĐTCC (iii) Hợp đồng thế chấp số 03/NĐN/2013/HĐTCC (iv) Hợp đồng cầm cố số 01-NHUA-2015/HĐCC (v) Hợp đồng cầm cố số 02-NHUA-2015/HĐCC (vi) Hợp đồng thế chấp số 01-2016-HTK-NHUA-ĐN/HĐTCC

<5> Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh – CN SGD Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 1405/2016/HĐTĐHM-DN/135 ngày 31 tháng 10 năm 2016. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C nhập khẩu, bảo lãnh trong nước và chiết khấu BCT phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh các loại ống, phụ kiện ngành nước, bao bì, túi nilon nhựa. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 21/12/2015. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là khoản phải thu tối thiểu và hàng tồn kho tối thiểu tổng trị giá 170.000.000.000đ. Lãi suất áp dụng được quy định cụ thể trong từng KUNN/Hợp đồng cấp tín dụng/Hợp đồng cấp bảo lãnh trên cơ sở LSCV được HDBank ban hành từng thời kỳ và được điều chỉnh theo thông báo của HDBank gửi đến Bên được cấp tín dụng trong suốt thời gian vay thực tế.

<6> Khoản vay Ngân hàng Standard Chartered – Chi nhánh HCM

Bản sửa đổi thư cấp HMTD SBFL/042015-383 ngày 10 tháng 04 năm 2015. Tổng khoản tối đa Hạn mức tín dụng sẽ không vượt quá 2.000.000 USD tại bất kỳ thời điểm nào. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động thanh toán các khoản nhập khẩu nguyên vật liệu theo như yêu cầu kinh doanh của công ty với kỳ hạn tối đa 120 ngày. Lãi suất được áp dụng theo chi phí huy động vốn của Ngân hàng cộng biên độ tối thiểu 3%/năm trong đó chi phí huy động vốn áp dụng sẽ được cập nhật và thông báo cho công ty tại từng thời điểm hoặc theo yêu cầu của công ty. Biện pháp đảm bảo của Thư hạn mức tín dụng là các Hợp đồng thế chấp các khoản phải thu, Hợp đồng thế chấp hàng hoá, Hợp đồng cầm cố và bù trừ tài khoản.

<7> Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hoà

Hợp đồng 0142.15/48.05-HMTD ngày 10 tháng 06 năm 2015. Hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 VND trong đó hạn mức cho vay tối đa là 35.000.000.000 VND. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động mục đích sản xuất kinh doanh, phát hành bảo lãnh, tài trợ thương mại. Thời hạn của khoản vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Lãi suất cho vay được áp dụng theo từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng là các tài sản quy định trong Hợp đồng thế chấp 039/NHNT.BH ngày 09/07/2008 và Hợp đồng thế chấp 113/09/VCB.BH ngày 25/11/2009.

<8> Công ty vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Á – CN Đồng Nai

Hợp đồng tín dụng số 200-91/15/VAB/HĐHMDN ngày 09/10/2015. Hạn mức cho vay tín dụng là: 200.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương với kỳ hạn: 11 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay là dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nhựa. Lãi suất áp dụng trong hợp đồng: 11%/năm đối với tiền VND và 5%/năm đối với USD. Biện pháp đảm bảo của hợp đồng là cổ phiếu Công ty CP Bình Hiệp thuộc sở hữu của các thành viên Công ty CP Nhựa Đồng Nai; Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung, Cổ phiếu Công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP Viwaseen thuộc sở hữu của công ty CP Nhựa Đồng Nai.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

<9> Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh dịch vụ khách hàng đặc biệt

Hợp đồng tín dụng số 16/2344014-NH/0332 ngày 01 tháng 09 năm 2016 giữa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – chi nhánh dịch vụ đặc biệt và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Mục đích sử dụng của khoản vay là để bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức tín dụng của hợp đồng là 200.000.000.000 VND. Thời hạn của khoản vay là không quá 06 tháng kể từ ngày Ngân hàng giải ngân vốn vay và được ghi trên Giấy nhận nợ. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng theo các biện pháp đảm bảo tại hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên Giấy nhận nợ.

<10> Khoản vay Ngân hàng Techcombank Việt Nam

Hợp đồng cấp tín dụng số CIB20160088/HĐCTD ngày 01/07/2016 giữa Ngân hàng TMCP kỹ thương Việt Nam với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 đồng thời hạn 01 năm với thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Mục đích vay của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ mục đích sản xuất kinh doanh. Lãi suất được áp dụng theo từng lần giải ngân. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng này là khoản tín chấp và các tài sản bảo đảm khác được các bên thoả thuận sử dụng bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Khách hàng tại Techcombank

<11> Các khoản vay dài hạn đến hạn trả, nợ thuê tài chính đến hạn trả của các hợp đồng vay dài hạn và thuê tài chính được thuyết minh tại mục 5.19.2

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn các bên liên quan						
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Long An	9.950.000.000	9.950.000.000	9.950.000.000			
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác						
1> Vay dài hạn						
Ngân hàng Tiên Phong - CN Đồng Nai <1>	19.916.886.916	19.916.886.916	17.505.587.107	1.113.596.862	3.524.896.671	3.524.896.671
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2 <2>	297.266.675	297.266.675	-	101.919.996	399.186.671	399.186.671
Ngân hàng TMCP Quân Đội - SGD 2 <2>	2.191.018.000	2.191.018.000	-	934.692.000	3.125.710.000	3.125.710.000
Ngân hàng Maybank - chi nhánh TPHCM <3>	692.863.794	692.863.794	769.848.660	76.984.866		
Ngân hàng Sinopac - chi nhánh TPHCM <4>	16.735.738.447	16.735.738.447	16.735.738.447	-		
2> Nợ thuê tài chính						
Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh <5>	10.023.188.964	10.023.188.964	17.097.774.164	10.490.152.356	3.415.567.156	3.415.567.156
Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Chaitease <6>	424.664.260	424.664.260	947.608.891	1.359.599.903	293.933.584	293.933.584
Công ty TNHH Cho thuê tài chính QT Việt Nam <7>	9.598.524.704	9.598.524.704	16.150.165.273	8.836.618.869	2.284.978.300	2.284.978.300
3> Trái phiếu thông thường <8>	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-
	139.890.075.880	139.890.075.880	144.553.361.271	11.603.749.218	6.940.463.827	6.940.463.827

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.**<1> Khoản vay Công ty CP Đầu tư Hạ tầng nước DNP – Long An:**

Hợp đồng vay số 001/VV/NDN-LA ngày 05/01/2016. Thời hạn vay: 18 tháng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động. Hợp đồng vay không lãi suất.

<2> Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Đồng Nai:

Hợp đồng tín dụng số 690-07.2015/HĐKHMTD/TPBANK-DNI ngày 12/08/2015. Hạn mức tín dụng là 509.600.000 đồng. Thời hạn vay: 60 tháng. Mục đích vay để mua xe ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất trong hợp đồng là 7,7%/năm được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần kể từ sau ngày 07/05/2017. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng tín dụng này là (i) Hợp đồng đảm bảo số 850-11.2015/HĐTC/TPBANK-DNI ký kết ngày 07/11/2015 với tài sản là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 399.186.671 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 101.919.996 đồng

<3> Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – CN SGD 2

Hợp đồng tín dụng số 15043.15.103.2431904.TD ngày 17/08/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng: 3.028.550.000 VND thời hạn tối đa 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô mới 100% phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 18/08/2016: 8%, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 2.220.950.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 605.700.000 đồng

Hợp đồng tín dụng số 20015.15.103.2431904.TD ngày 08/09/2015 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần quân đội – chi nhánh sở giao dịch 2 với công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng là: 1.316.000.000 VND thời hạn tối đa 48 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để mua ô tô, xe tải mới phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Lãi suất áp dụng: ưu đãi đến 17/09/2016: 8%/năm, sau thời hạn trên, lãi suất được áp dụng là 9,7%/năm. Biện pháp đảm bảo hợp đồng là xe ô tô hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 904.760.000 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 328.992.000 đồng.

<4> Khoản vay Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Hợp đồng tín dụng số 162004 ngày 16 tháng 03 năm 2016 giữa Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức tín dụng của khoản vay là 1.500.000 USD hoặc một khoản tiền tương đương bằng đồng tiền tùy chọn tùy thuộc vào điều khoản và điều kiện của hợp đồng này. Mục đích của khoản vay này là để cấp vốn tín dụng cho việc mua máy móc và thiết bị của Bên vay và việc sử dụng tiền có liên quan. Biện pháp bảo đảm của hợp đồng này các máy móc và thiết bị được tài trợ dưới khoản tín dụng này. Lãi suất áp dụng cho khoản tiền ứng bằng USD là không thấp hơn lãi suất LIBOR 3 tháng cộng với 3,5% và sẽ được điều chỉnh mỗi 03 tháng cho các năm tiếp theo. Lãi suất áp dụng cho khoản tiền ứng bằng VND là không thấp hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam cộng với 2%.

<5> Khoản vay Ngân hàng Maybank – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh

Thư đề nghị số MBB/HCMC/LO/2016/DNP/01 ngày 25 tháng 07 năm 2016 được ký kết bởi Ngân hàng Maybank – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hạn mức của khoản vay là 2.950.000 USD với thời hạn tối đa là 03 năm. Mục đích vay là để nhập máy móc thiết bị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất áp dụng: lãi suất tiền gửi 12 tháng dành cho khách hàng doanh nghiệp tại Vietcombank Hội sở + 1,65% hoặc lãi suất cơ bản cố định 3 năm +1,65%. Biện pháp đảm bảo của Hợp đồng bao gồm (i) Tiền đặt cọc 10% tổng giá trị Hợp đồng mua máy móc thiết bị (ii) thế chấp tài sản cố định (máy móc thiết bị được tài trợ bởi Ngân hàng dưới tên của Công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai với quyền ưu tiên đầu tiên (iii) Chuyển nhượng toàn bộ quyền và lợi ích của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào liên quan đến máy móc thiết bị được tài

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

trợ cho Ngân hàng với công ty bảo hiểm được chấp thuận bởi Ngân hàng. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2016 là 769.848.660 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 76.984.866 đồng.

<6> Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TPHCM

Các Hợp đồng số: 68.14.07/CTTC ngày 10/04/2014 và Hợp đồng số 68.14.08/CTTC ngày 27/05/2014 với thời hạn thuê 36 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ thời điểm giải ngân khoản đầu tiên và được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 31/12/2016 là 293.933.584 đồng và phải trả hết trong năm tới.

<7> Công ty TNHH cho thuê tài chính Chaillease

Các hợp đồng số A131100402 ngày 01/11/2013 và hợp đồng thuê số A160107302 ngày 29/09/2016 với thời hạn thuê từ 36 đến 48 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê được áp dụng từ 5,25% đến 8,5% cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 31/12/2016 là 1.482.248.591 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 1.057.584.331 đồng.

<8> Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam

Bao gồm 06 hợp đồng với thời hạn thuê là 48 tháng về việc thuê tài chính máy móc phục vụ cho mục đích sản xuất kinh doanh của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Lãi suất cho thuê từ 4,68% đến 8,3%/năm cho các hợp đồng thuê. Số dư nợ vay của các hợp đồng tại ngày 30/06/2016 là 17.393.715.629 đồng trong đó nợ đến hạn trả là 5.193.090.220 đồng.

Thanh toán nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND
Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016			
Trả nợ gốc		8.742.672.564	
Trả lãi tiền thuê		997.862.275	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC		9.740.534.839	
Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015			
Trả nợ gốc		8.041.924.260	
Trả lãi tiền thuê		596.562.945	
Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC		8.638.487.205	

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

<9> Trái phiếu thường dài hạn bao gồm:

Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu thường cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt để bổ sung vốn lưu động, tái cơ cấu các khoản vay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2016/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 05 năm 2016.

Thông tin chi tiết về trái phiếu này như sau:

- Thời điểm phát hành : 25/05/2016.
- Kỳ hạn gốc : 36 tháng
- Kỳ hạn còn lại : 35 tháng
- Số lượng trái phiếu phát hành : 100 trái phiếu
- Mệnh giá : 1.000.000.000 VND
- Lãi suất : 7,4% /năm đầu tiên, từ năm thứ 2 bằng lãi suất tiết kiệm trả sau kỳ hạn 12 tháng cộng 3,5%.
- Thời hạn thanh toán : Trả gốc 1 lần đáo hạn hoặc vào ngày mua lại trái phiếu trước hạn
- Tài sản bảo đảm : Trái phiếu được bảo đảm bằng máy móc thiết bị và công trình tại 02 nhà máy nước của Công ty CP Bình Hiệp, lô đất A6 – A7, p. Xuân An, Phan Thiết, Bình Thuận thuộc sở hữu của Công ty CP Bình Hiệp và dây chuyền sản xuất ống nhựa HDPE của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.
- Cam kết khác : Không chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông trong thời gian trái phiếu lưu hành.
Đảm bảo hệ số vay không vượt quá 75% vốn chủ sở hữu. Khả năng trả nợ dài hạn và hệ số thanh toán lớn hơn hoặc bằng 1. Duy trì tối thiểu 20% giá trị còn lại của Trái phiếu đang lưu hành trong tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Vietcombank trong vòng tối thiểu 30 ngày trước mỗi ngày tròn 12 tháng, 24 tháng và 36 tháng.
- Các khoản vay đã được cơ cấu từ nguồn trái phiếu dài hạn : Tổng giá trị khoản vay đã cơ cấu: 99.999.946.733 đồng:
Khoản vay và lãi vay Việt Á: 29.999.946.733 đồng
Khoản vay Vietinbank: 30.000.000.000 đồng
Khoản vay Far East National Bank: 10.000.000.000 đồng
Khoản vay Vietcombank: 20.000.000.000 đồng
Khoản vay Standard Chattered Bank: 10.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Năm trước						
Tại ngày 01/01/2015	34.276.370.000	26.517.339.735	(342.000)	18.543.696.104	24.471.499.374	103.808.563.213
Trích các quỹ				6.491.444.188	16.960.054.893	6.491.444.188
Lãi trong năm	100.795.040.000	16.905.000.000			2.376.849.240	117.700.040.000
Tăng vốn trong năm					(8.550.132.169)	2.376.849.240
Tăng khác					(216.870.265)	(8.550.132.169)
Phân phối lợi nhuận					(17.710.830.000)	(17.710.830.000)
Giảm do thưởng cổ phiếu tăng vốn		(26.517.339.735)			17.330.571.073	(8.550.132.169)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu						(26.734.210.000)
Trả cổ tức bằng cổ phiếu						(17.710.830.000)
Tại ngày 31/12/2015	135.071.410.000	16.905.000.000	(342.000)	25.035.140.292	17.330.571.073	194.341.779.365
Năm nay						
Tại ngày 01/01/2016	135.071.410.000	16.905.000.000	(342.000)	25.035.140.292	17.330.571.073	194.341.779.365
Lãi trong kỳ					34.791.798.414	34.791.798.414
Tăng vốn trong kỳ	110.961.780.000	12.250.000.000				123.211.780.000
Tăng vốn từ quỹ ĐTPT	24.309.960.000			(24.309.960.000)		-
Trả cổ tức 2015 bằng cổ phiếu	29.713.090.000				(29.713.090.000)	-
Tại ngày 31/12/2016	300.056.240.000	29.155.000.000	(342.000)	725.180.292	22.409.279.487	352.345.357.779

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

5.20.2 Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.005.624	13.507.141
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.005.624	13.507.141
- Cổ phiếu phổ thông	30.005.624	13.507.141
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10	10
- Cổ phiếu phổ thông	10	10
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.005.614	13.507.131
- Cổ phiếu phổ thông	30.005.614	13.507.131
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND		

5.20.3 Phân phối lợi nhuận

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty CP Nhựa Đồng Nai thực hiện chia cổ tức 22% bằng cổ phiếu, và thưởng 18% cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển.

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**5.21.1 Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy, ngang theo các thời hạn như sau:

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Từ 1 năm trở xuống		
Trên 1 năm đến 5 năm	9.016.030.538	9.168.746.355
Trên 5 năm	<u>9.016.030.538</u>	<u>9.168.746.355</u>

Công ty thuê đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa 1 trong thời hạn 50 năm kể từ 1/7/2001 đến 12/4/2051 với giá trị thuê là 11.575,08 USD/năm. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2016 là 396.832,33 USD tương ứng giá trị là 9.016.030.538 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 31/12/2016 là 22.720 VND/USD. Tổng giá trị tiền thuê tối thiểu trong tương lai tại thời điểm 31/12/2015 là 408.407,41 USD tương ứng giá trị là 9.168.746.355 đồng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Vietcombank ngày 31/12/2015 là 22.450 VND/USD.

5.21.2 Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
Dollar Mỹ (USD)	135.204,86	101.083,64
Euro (EUR)	364,14	369,60

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

6.1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ	889.392.507.333	863.973.627.014
	<u>889.392.507.333</u>	<u>863.973.627.014</u>

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Công ty CP Nhựa Tân Phú	2.015.061.320	
Công ty CP Nhựa Đồng Nai Miền Trung	100.276.350.844	89.052.526.211
Công ty CP Bình Hiệp	-	128.385.380

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	-	16.152.724
Giảm giá hàng bán	-	826.009.899
Hàng bán bị trả lại	365.049.498	294.470.974
	<u>365.049.498</u>	<u>1.136.633.597</u>

6.3 Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	777.381.286.504	758.882.191.257
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(781.760.066)
	<u>777.381.286.504</u>	<u>758.100.431.191</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.777.482.577	1.643.821.380
Cổ tức, lợi nhuận được chia	22.582.474.847	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.993.215.914	2.296.409.790
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	431.595.466	
	<u>29.784.768.804</u>	<u>3.940.231.170</u>

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	37.211.511.921	19.244.768.591
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.560.674.297	5.744.655.618
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.193.313.154	3.264.868.192
Chi phí tài chính khác	613.353.847	24.967.806
	<u>40.578.853.219</u>	<u>28.279.260.207</u>

6.6 Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.203.175.411	1.199.191.713
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.032.014.718	138.760.730
Chi phí khấu hao	1.727.359.479	541.409.379
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.728.320.384	7.220.399.969
Chi phí bằng tiền khác	4.499.211.229	9.565.198.180
	<u>24.190.081.221</u>	<u>18.664.959.971</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	20.374.596.548	15.040.289.256
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.572.640.556	351.803.298
Chi phí khấu hao	1.760.747.879	674.240.094
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	7.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.418.030.944	14.454.783.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.063.364	825.646.817
Chi phí bằng tiền khác	13.394.574.346	10.287.976.040
	<u>45.616.653.637</u>	<u>41.641.739.190</u>

6.8 Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ	8.768.904.617	28.650.452
Xử lý số dư tài khoản	164.891.066	3.085.045.681
Các khoản khác	50.820.000	405.557.868
	<u>8.984.615.683</u>	<u>3.519.254.001</u>

6.9 Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính	208.496.256	151.605.783
Các khoản khác	1.368.441.368	1.368.466.535
	<u>1.576.937.624</u>	<u>1.520.072.318</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

6.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	38.453.030.117	22.090.015.711
Giảm trừ các khoản cổ tức	(22.582.474.847)	
Cộng các khoản chi phí không hợp lệ	3.770.597.028	7.470.598.477
<i>Chi phí không hợp lệ khi tính thuế TNDN</i>	<i>1.576.937.624</i>	<i>1.805.598.086</i>
<i>Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	<i>2.193.659.404</i>	<i>5.665.000.391</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	19.641.152.298	29.560.614.188
Thuế TNDN tính theo thuế suất thông thường (a)	3.928.230.460	6.503.335.123
Thu nhập không được hưởng ưu đãi thuế	16.971.164.736	11.951.394.115
Thu nhập được hưởng ưu đãi thuế	2.669.987.562	17.609.220.073
Thuế TNDN giảm do chênh lệch thuế suất (b)	-	278.158.171
Thuế TNDN được giảm trừ trong năm (c)	266.998.757	1.392.484.282
<i>Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% theo giấy chứng nhận đầu tư</i>	<i>266.998.757</i>	<i>1.392.484.282</i>
Thuế TNDN các năm trước bị truy thu (d)		297.268.148
	<u><u>3.661.231.703</u></u>	<u><u>5.129.960.818</u></u>

6.11 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	518.081.664.177	537.494.444.025
Chi phí nhân công	49.119.344.784	39.086.013.726
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.818.971.250	13.777.807.913
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	7.000.000
Chi phí dự phòng	8.418.030.944	14.454.783.685
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	68.125.186.369	64.663.110.331
	<u><u>660.567.197.524</u></u>	<u><u>669.483.159.680</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua tài sản thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	16.521.730.799	7.071.696.167
	<u>16.521.730.799</u>	<u>7.071.696.167</u>

7.2 Tiền thu từ đi vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	981.254.675.096	789.103.667.596
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	100.000.000.000	
	<u>1.081.254.675.096</u>	<u>789.103.667.596</u>

7.3 Tiền trả nợ gốc vay

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	805.332.645.490	663.502.364.865
	<u>805.332.645.490</u>	<u>663.502.364.865</u>

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản trái phiếu, nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn các nhà cung cấp phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả của hàng hóa

Rủi ro lãi suất

Lãi suất của các khoản vay phụ thuộc vào lãi suất công bố của Ngân hàng thương mại, do đó việc thay đổi lãi suất sẽ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty, chủ yếu bằng VND, và ngoài ra, bằng Đô la Mỹ (USD).

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Cho vay

Công ty có cho công ty con – Công ty CP Bình Hiệp vay tiền gửi tiết kiệm làm tài sản bảo đảm cho các khoản vay của Công ty con. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản cho vay là thấp.

Ngoài ra, Công ty cũng cho một số Công ty khác vay tuy nhiên thời gian cho vay ngắn. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá các khoản vay này có mức độ rủi ro thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	522.339.767.965	39.890.075.880	562.229.843.845
Trái phiếu thông thường		100.000.000.000	100.000.000.000
Phải trả người bán	47.544.176.891	-	47.544.176.891
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	7.703.172.319	-	7.703.172.319
	577.587.117.175	139.890.075.880	717.477.193.055
Ngày 01 tháng 01 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	371.342.354.961	6.940.463.827	378.282.818.788
Trái phiếu thông thường			-
Phải trả người bán	43.791.918.045	-	43.791.918.045
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả (không gồm KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN)	2.995.166.134	-	2.995.166.134
	418.129.439.140	6.940.463.827	425.069.902.967

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

iv. Giá trị hợp lý

(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Chi tiêu	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.635.957.390	-	103.274.039.329	-	108.635.957.390	103.274.039.329
Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn	556.928.649.345	-	130.695.058.063	-	556.928.649.345	130.695.058.063
Phải thu khách hàng và phải thu khác	232.656.248.558	(29.988.256.338)	201.354.998.925	(21.570.225.394)	202.667.992.220	179.784.773.531
Phải thu về cho vay	41.252.193.273	-	-	-	41.252.193.273	-
Tổng cộng	939.473.048.566	(29.988.256.338)	435.324.096.317	(21.570.225.394)	909.484.792.228	413.753.870.923
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả người bán và phải trả khác (không bao gồm BHXH, BHYT, BHYT)	159.504.561.694	-	45.798.629.864	-	159.504.561.694	45.798.629.864
Vay và nợ ngắn hạn	522.339.767.965	-	371.342.354.961	-	522.339.767.965	371.342.354.961
Chi phí phải trả	3.015.877.516	-	988.454.315	-	3.015.877.516	988.454.315
Vay và nợ dài hạn	139.890.075.880	-	6.940.463.827	-	139.890.075.880	6.940.463.827
Tổng cộng	824.750.283.055	-	425.069.902.967	-	824.750.283.055	425.069.902.967

Giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2016 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ và ngay kết thúc năm tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (đ)
Hội đồng quản trị & Ban kiểm soát	Thù lao HĐQT & BKS	540.000.000
Lương Ban Tổng giám đốc	Lương năm 2016	5.395.100.000
Lương Ban Tổng giám đốc	Thưởng trong năm 2016	692.995.600

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số 5.2.3

Cam kết bảo lãnh

Công ty CP Bình Hiệp đã cam kết sử dụng tài sản của mình gồm Lô đất A6, A7 Khu dân cư Kênh Bàu, P. Xuân An, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, các máy móc thiết bị và công trình kiến trúc thuộc 02 nhà máy nước Cà Giang và nhà máy nước Tân Thành để đảm bảo cho khoản phát hành trái phiếu 100 tỷ cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Biên Hòa và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Dịch vụ khách hàng đặc biệt của Công ty CP Nhựa Đồng Nai.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh nêu trên

9.2 Báo cáo bộ phận

Công ty hoạt động kinh doanh trong 02 lĩnh vực chủ yếu là:

- Kinh doanh ống nhựa cấp thoát nước và các phụ kiện
- Xuất khẩu bao bì túi nilon

Công ty có chi nhánh tại Hà Nội nhưng hoạt động kinh doanh là không đáng kể.

Do vậy, Công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là báo cáo bộ phận chính yếu. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là báo cáo bộ phận thứ yếu.

Chi tiết về báo cáo bộ phận tại Phụ lục 01 kèm theo.

9.3 Số liệu so sánh

Số so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.



PHẠM THỊ THU HẰNG
Người lập biểu



HOÀNG ANH TUẤN
Kế toán trưởng



NGÔ ĐỨC VŨ
Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

9.4 Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

PHẠM THU HẰNG

Người lập biểu

HOÀNG ANH TUẤN

Kế toán trưởng

NGUYỄN VĂN HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

Đồng Nai, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Phụ lục 02 : Báo cáo bộ phận

1- Báo cáo bộ phận chính yếu – Theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiêu	Năm nay				Năm trước			
	Óng và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Óng và phụ kiện ngành nước	Bao bì, túi nilong nhựa	Khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	576.463.411.090	307.947.607.064	4.616.439.681	889.027.457.835	425.430.517.423	329.251.977.288	108.154.498.706	862.836.993.417
3. Khấu hao	7.413.804.163	5.803.381.998	3.658.156.373	16.875.342.534	7.780.921.304	5.132.097.030	3.694.151.421	16.607.169.756
4. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	101.964.091.403	9.173.211.637	508.868.291	111.646.171.331	47.493.286.715	42.473.505.070	14.769.770.441	104.736.562.226
5. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	32.869.933.007	596.041.791	2.206.773.277	35.672.748.075	6.058.524.560	8.523.297.694	8.470.197.657	23.052.019.911
6. Tài sản bộ phận	310.090.815.917	50.252.155.079		360.342.970.997	168.956.098.508	62.718.020.478		231.674.118.986
7. Tài sản không phân bổ				917.338.518.977				404.293.304.382
Tổng tài sản				1.277.681.489.974				635.967.423.368
8. Nợ phải trả bộ phận	106.499.340.312	3.677.292.626		110.176.632.938	351.434.025.080	87.858.506.270		439.292.531.350
9. Nợ phải trả không phân bổ				815.159.499.257				2.333.112.653
Tổng nợ phải trả				925.336.132.195				441.625.644.003

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA ĐỒNG NAI
 Địa chỉ: Đường số 9, KCN Biên Hòa 1, Tp Biên Hòa, Đồng Nai
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

2- Báo cáo bộ phận thứ yếu – Theo khu vực địa lý

Chỉ tiêu	Năm nay				Năm trước			
	Miền Nam	Miền Bắc	Khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp	Miền Nam	Miền Bắc	Khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	886.708.373.315	2.684.134.018		889.392.507.333	850.960.021.932	11.876.971.485		862.836.993.417
2. Tài sản bộ phận	1.274.430.800.834	3.250.689.140		1.277.681.489.974	630.001.878.429	5.965.544.939		635.967.423.368
3. Tổng chi phí đã phát sinh mua tài sản cố định	35.672.748.075			35.672.748.075	22.257.747.184	794.272.727		23.052.019.911

